

# **DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC THCS**

## **ĐỔI MỚI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG PHÁP Ở TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**Nhóm tác giả : Đào Thế Lâm (chủ biên), Nguyễn Hữu Hải, Vi Văn Đính**

**2010**

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG PHÁP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

**M**ục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá (KTĐG) là những thành tố quan trọng nhất trong quy trình dạy học. Mỗi thành tố có vai trò riêng của nó nhưng tất cả đều có quan hệ hữu cơ và tác động lẫn nhau nhằm đạt mục đích giáo dục mà chương trình đã đề ra. Mục tiêu dạy học là cơ sở xác định nội dung dạy học và phương pháp dạy học phù hợp; còn kiểm tra đánh giá thì nhằm mục tiêu kép là đánh giá kết quả dạy học cụ thể và điều chỉnh mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học sau mỗi giai đoạn dạy học nhất định.

Việc xây dựng chương trình (CT) và biên soạn sách giáo khoa (SGK) mới môn Tiếng Pháp trường Trung học cơ sở (THCS) đã kéo theo một loạt những thay đổi trong dạy học ở cấp học này. Những yêu cầu mới về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học đòi hỏi phải có định hướng KTĐG mới phù hợp với những yêu cầu về kỹ năng và kiến thức của CT đã được thể hiện cụ thể qua SGK THCS.

Trong tài liệu này, chúng tôi sẽ đề cập đến các vấn đề sau đây :

## **1. Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học môn tiếng Pháp trường THCS**

Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học là ba yếu tố quan trọng nhất trong việc định hướng KTĐG của bộ môn. Để tổ chức KTĐG một cách phù hợp với CT và SGK mới, để xác định được định hướng chung và những yêu cầu cụ thể về KTĐG đối với cấp THCS cũng như đối với từng lớp, chúng ta cần nắm được những yêu cầu chung về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học của CT môn Tiếng Pháp trường THCS .

## **2. Thực trạng kiểm tra – đánh giá môn tiếng Pháp ở trường phổ thông**

Vấn đề này mang tính thực tiễn rất quan trọng và có ảnh hưởng nhiều đến việc tổ chức KTĐG. Hiểu rõ thực trạng của vấn đề, chúng ta sẽ đưa ra được những giải pháp có giá trị thực tiễn và có tính khả thi cao;

### **3. Định hướng đổi mới kiểm tra – đánh giá môn tiếng Pháp ở trường THCS**

Đây là phần quan trọng nhất của tài liệu, giúp chúng ta hiểu rõ và nắm vững hơn các quan điểm, những yêu cầu chung về KTĐG của chương trình;

### **4. Những yêu cầu cụ thể về kiểm tra – đánh giá**

Phần này bao gồm những hướng dẫn cụ thể về cách thức tổ chức KTĐG, các hình thức kiểm tra, gợi ý cách thức ra đề kiểm tra ... Đây là một trong những nội dung mà giáo viên đặc biệt quan tâm vì nó có quan hệ chặt chẽ tới các hoạt động dạy học trên lớp, đặc biệt, giúp giáo viên vững tin hơn trong việc tổ chức KTĐG cũng như ra đề kiểm tra.

### **5. Những hướng dẫn kiểm tra – đánh giá cụ thể cho từng lớp**

Trong phần này, ngoài những hướng dẫn KTĐG cụ thể cho từng lớp, chúng tôi sẽ giới thiệu thêm một số đề kiểm tra tham khảo được biên soạn theo những định hướng và yêu cầu mới đã nêu ở các phần trên.

## **I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG PHÁP TRƯỜNG THCS**

Ba nội dung quan trọng nhất của CT có ảnh hưởng quyết định đến định hướng KTĐG bộ môn sẽ được đề cập đến là : Mục tiêu môn học, các mạch kiến thức chủ yếu và định hướng phương pháp dạy học bộ môn ở trường Trung học cơ sở.

### **1.1. Mục tiêu môn học**

Chương trình môn Tiếng Pháp cấp Trung học cơ sở nhằm cung cấp những kiến thức tối thiểu, hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp, góp phần phát triển những phẩm chất trí tuệ cần thiết để học sinh có thể tiếp tục học môn học này ở cấp THPT và cao hơn.

Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Pháp cấp THCS, học sinh phải đạt được các yêu cầu chủ yếu sau đây :

#### **1.1.1. Về kiến thức**

– Có kiến thức cơ bản, tương đối hệ thống về tiếng Pháp, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi học sinh THCS (12–15 tuổi);

– Có hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá Pháp và các nước thuộc Cộng đồng Pháp ngữ, mở rộng tầm nhìn theo xu thế hội nhập của thế giới.

#### **1.1.2. Về kỹ năng**

– Có kĩ năng cơ bản sử dụng tiếng Pháp như một công cụ giao tiếp trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết;

- Có phương pháp học tập tích cực;
- Có năng lực tư duy ngôn ngữ phát triển giúp sử dụng tiếng mẹ đẻ thành thạo hơn.

Cụ thể là :

### **Nghe**

Học sinh có khả năng :

- Hiểu nội dung chính các đối thoại mình tham gia hoặc nghe trực tiếp, các tài liệu ghi âm đơn giản, có độ dài khoảng 10–15 câu, liên quan đến các chủ điểm đã học,

### **Nói**

Học sinh có khả năng :

Giao tiếp được ở mức độ đơn giản trong các tình huống liên quan đến các chủ điểm đã học.

### **Đọc**

Học sinh có khả năng :

- Đọc hiểu nội dung chính các văn bản có độ dài khoảng 100?120 từ về các chủ điểm đã học

### **Viết**

Học sinh có khả năng :

- Viết một số loại văn bản thông thường như viết thư, bưu ảnh, lời nhắn...
- Viết một đoạn văn khoảng 60–70 từ trong phạm vi các chủ điểm đã học, có liên kết ý bằng các phương tiện đơn giản

## **1.2. Các mạch kiến thức chủ yếu**

### **1.2.1. Nội dung giao tiếp**

1.2.1.1. Hành động giao tiếp (Actes de communication) saluer ; se présenter ; présenter une personne ; s'excuser ; remercier ; identifier / caractériser une personne, un objet ; décrire physiquement et moralement une personne ; décrire une maison ; parler des moyens de transport ; demander / indiquer le poids, les mesures, le prix ; parler du temps, des saisons, du climat ; parler de la nourriture ; parler du sport ; parler de ses habitudes ; raconter la journée d'un élève ; situer dans l'espace et dans le temps ; exprimer ce qu'on veut et ce qu'on peut faire ; exprimer la possession, la quantité, la totalité, l'intensité, la négation, la comparaison, l'interrogation, son goût et sa préférence, son avis,

la nécessité, une demande, un ordre, une envie, un souhait, le but, la cause, l'origine, l'opposition et la concession, la restriction, l'hypothèse, la condition, l'opposition et la concession, la conséquence ; donner un conseil ; demander / donner une autorisation.

#### 1.2.1.2. Chủ điểm (Thèmes)

Gia đình ; Nhà trường ; Tình bạn ; Vui chơi, giải trí ; Truyền hình, báo chí ; Lễ hội, du lịch ; Sức khoẻ ; Thời tiết, khí hậu ; Nông thôn, thành thị ; Môi trường ; Nghề nghiệp và hướng nghiệp ; Nước Pháp và một số nước thuộc Cộng đồng Pháp ngữ ; Thành tựu khoa học, kỹ thuật ; Danh nhân lịch sử, văn hoá, khoa học của Việt Nam, Pháp và một số nước thuộc Cộng đồng Pháp ngữ...

#### 1.2.1.3. Thể loại văn bản (Genre de documents)

Articles de journal (reportage sportif, courrier de lecteurs, articles d'information scientifique,...) ; bulletin de météo ; cartes de vœux (~ d'identité, ~ de visite, ~ postales, ...) ; chronologie de faits historiques ; compte-rendus ; contes et légendes ; dialogues ; emploi du temps ; enquêtes ; fiche d'identité ; horaires (de trains, de travail ...) ; interviews ; légendes de dessins et de photos ; lettre amicale ; publicités ; programme de visite ; tables des matières ; tableaux ...

### 1.2.2. Nội dung ngôn ngữ

#### 1.2.2.1. Từ vựng

Từ vựng được lựa chọn theo 2 nguyên tắc chủ yếu : theo chủ điểm (đã được quy định trong CT THCS) và theo tần số sử dụng. Tổng số vốn từ toàn cấp (từ lớp 6 đến lớp 9) khoảng 1650 đơn vị.

#### 1.2.2.2. Ngữ pháp

Cùng với từ vựng, ngữ pháp là nội dung quan trọng cho phép thực hiện nội dung giao tiếp đã được nêu ở trên. Những nội dung ngữ pháp chủ yếu có trong CT là :

#### • La détermination

– Articles

+ Articles indéfinis et définis (formes simple et contractée) :

*un, une, des ; le, la, l', les ; du, de la, de l', des ; au, à la, à l', aux*

+ Articles partitifs : *du, de la, de l', des*

– Adjectifs

+ Adjectifs possessifs : *mon, ton, son, ma, ta, sa, mes, tes, ses, notre, votre, leur, nos, vos, leurs*

+ Adjectifs démonstratifs : *ce, cet, cette, ces*

+ Adjectifs indéfinis : *chaque, plusieurs, quelques*

+ Adjectifs numéraux cardinaux

### • La substitution

– Pronoms personnels sujets : *je, tu, il, elle, nous, vous, ils, elles*

– Pronoms personnels toniques : *moi, toi, lui, elle, nous, vous, eux, elles*

– Pronoms compléments d'objet directs : *me, te, le, la, l', nous, vous, les*

– Pronoms indéfinis : *ça, tout le monde, quelques-uns, certains, quelque chose, ne ... rien, ne ... personne, tout, toute, tous, toutes*

– Pronoms démonstratifs (formes simples, composées et contractées) : *celui, celle, ceux, celles ...*

– Pronoms compléments : *en, y*

– Pronoms relatifs : *qui, que, dont, où*

– Pronoms interrogatifs : *lequel, laquelle, lesquels, lesquelles*

### • La qualification

Adjectifs qualificatifs (marques du genre et du nombre et place)

### • La quantification

– Adjectifs numéraux cardinaux

– Substantifs : *la plupart (de), une dizaine de, une quinzaine de ...*

– Adverbes de quantité : *combien de, peu / peu de, assez / assez de, beaucoup / beaucoup de, trop / trop de...*

– Adverbes et adjectifs d'intensité : *de plus en plus / de moins en moins, plus... plus ... / moins ... moins...*

### • Les temps et les modes

– Les temps verbaux de l'indicatif :

+ *le présent, le futur proche, le passé récent, le futur simple, le passé composé, l'imparfait ;*

+ *le présent, le futur simple et le passé composé des verbes pronominaux.*

– Les modes :

+ *le présent de l'impératif (affirmatif et négatif)*

+ *le subjonctif présent (quelques verbes fréquents)``*

• **L'expression du temps** : *aujourd'hui, demain, à + heure, hier, il y a, dans, de... à, quand, une fois, quelquefois, souvent, prochain, dernier, d'abord, puis, ensuite, enfin, autrefois, déjà, pendant, en, depuis, il y a, avant + N, avant de + V, après + N, après + infinitif passé*

• **La comparaison**

– Comparaison avec *comme*

– Comparatifs : *plus (aussi, moins) + adj. ou adv. + que;*

*plus de (autant de, moins de) + nom + que (de)*

– Superlatif : *le, la, les plus (moins) + adj ;*

*le, plus (moins) de + N*

• **L'espace**

– Déictiques : *là, ici*

– Prépositions locatives et adverbes : *de... à, au-dessus de, au dessous de, dehors, autour de, au milieu de, au bord de, entre, en face de*

• **Les relations logiques**

– Coordination : *et*

– Cause : *pourquoi / parce que, comme, à cause de, grâce à*

– But : *pour +V*

– Concession et opposition : *mais, malgré, pourtant, bien que*

– Hypothèse : *si + V au présent, au futur de l'indicatif et à l'impératif*

– Restriction : *ne... que, seulement*

– Conséquence : *donc*

• **L'interrogation**

– Avec intonation *et avec est-ce-que, n'est-ce pas, inversion verbe-sujet*

– Avec les mots interrogatifs *qui, que, où, comment, quel, quand, combine, pourquoi*

• **La négation** : *ne ... pas, ne ... pas du tout, ne ... jamais, ne... plus, ni... ni*

• **Divers**

– Réponses avec *Oui / Non, Si / Non*

– Présentatifs : *c'est ... , il y a ...*

### 1.3. Định hướng về phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học

Như trên đã trình bày, CT môn Tiếng Pháp THCS nhằm mục tiêu rèn luyện cho học sinh các kĩ năng giao tiếp nghe–nói–đọc–viết. Chính vì vậy, về phương pháp dạy học, CT cũng chủ trương sử dụng các thủ pháp đặc trưng của đường hướng giao tiếp.

Trong quá trình lên lớp, giáo viên cần đảm bảo những định hướng về phương pháp dạy học chủ yếu đã được đề ra trong CT là :

– ngữ cảnh hoá các ngữ liệu ;

– kết hợp hài hoà giữa tính giao tiếp và tính hệ thống của ngôn ngữ theo hướng vừa tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phát triển năng lực văn bản cho học sinh vừa chú trọng các hoạt động hệ thống hoá kiến thức ngôn ngữ ;

– tiến hành đồng thời việc truyền thụ kiến thức và rèn luyện kĩ năng với việc cung cấp các thông tin văn hoá – xã hội... ;

– tạo các điều kiện giao tiếp thuận lợi cho học sinh như điều kiện nghe tiếng nói ngoài, khuyến khích học sinh tham gia giao tiếp, thực hiện việc sửa lỗi một cách hợp lý... ;

– biết điều khiển học sinh làm việc theo nhóm...

Do mục tiêu chủ yếu của CT là rèn luyện kĩ năng giao tiếp cho học sinh nên những yêu cầu cụ thể về nội dung dạy học và những định hướng về phương pháp dạy học của CT cũng nhằm đạt được các mục tiêu giao tiếp ? hai yếu tố này buộc công tác kiểm tra –đánh giá môn Tiếng Pháp ở trường THCS phải có những thay đổi cho phù hợp.

Trong thực tế dạy học, các điều kiện cơ sở vật chất, quản lí nhà trường, chất lượng giáo viên ... cũng là những yếu tố có những ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện và triển khai công tác kiểm tra – đánh giá ở trường THCS. Do đó, trước khi đề cập đến những yêu cầu mới về kiểm tra – đánh giá, cần xem xét lại thực trạng kiểm tra – đánh giá bộ môn ở trường phổ thông nói chung, ở THCS nói riêng. Chỉ có thực tiễn dạy học mới giúp chúng ta xác định một cách khách quan và chính xác các quan điểm và định hướng kiểm tra–đánh giá phù hợp trong quá trình dạy học môn Tiếng Pháp ở trường THCS.



## II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG PHÁP Ở TRƯỜNG THCS

Hiện nay, vấn đề kiểm tra–đánh giá trong dạy học ngoại ngữ ở trường phổ thông nói chung và dạy học Tiếng Pháp nói riêng đang phải đối mặt với những khó khăn vừa mang tính chủ quan vừa mang tính khách quan. Nó không chỉ đụng chạm đến một loạt những vấn đề nhạy cảm về đội ngũ giáo viên như trình độ, nguồn gốc đào tạo, ... mà còn cả về chương trình, nội dung, phương pháp và phương tiện kiểm tra – đánh giá.

Đánh giá bao gồm hai loại hình : đánh giá điều chỉnh (*évaluation formative*) và đánh giá tổng kết–phân loại (*évaluation sommative*). Tuy nhiên, giáo viên đang đứng lớp chưa quan tâm đúng mức đến cả hai loại hình đánh giá này. Thứ nhất, trong quá trình tổ chức kiểm tra–đánh giá, giáo viên chưa thực sự quan tâm đến đánh giá điều chỉnh với các loại hình khác nhau như sử dụng phiếu quan sát, theo dõi sự tiến bộ của học sinh, ... Đa số giáo viên chủ yếu quan tâm đến hình thức đánh giá tổng kết–phân loại. Kết quả các bài kiểm tra (hay nói khác đi, việc cho điểm) thường phải đảm nhiệm chức năng kép : vừa nhằm điều chỉnh việc dạy học vừa được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh qua. Tính chất đặc trưng của loại hình đánh giá tổng kết–phân loại được thể hiện rõ nét hơn trong các bài kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ, cuối năm, cuối cấp học hay cuối bậc học, trong đó có việc qui định người ra các đề kiểm tra hay đề thi không phải là người trực tiếp giảng dạy đối tượng được kiểm tra. Như vậy, cả hai loại hình đánh giá này đều không chứa trong chúng mục đích tự thân là thông qua kiểm tra–đánh giá, học sinh thì có cơ hội được đánh giá và có thể được tự đánh giá, còn người dạy và những nhà quản lý giáo dục thì thấy được rõ hơn hiệu quả của chương trình và công việc giảng dạy của từng giai đoạn và của toàn bộ chương trình. Do đó, việc phân chia các loại hình đánh giá như trên thực chất chỉ mang ý nghĩa hình thức, nhất là trong thực tế dạy học và kiểm tra–đánh giá ở nhà trường phổ thông hiện nay.

Thứ hai, cách thức và điều kiện tiến hành kiểm tra–đánh giá đang là một vấn đề thực tiễn nan giải trong dạy học ngoại ngữ ở trường phổ thông hiện nay. Trong trường phổ thông chưa có sự tương đồng giữa hai quá trình dạy học và đánh giá. Sự khập khiễng này thể hiện ở cả nội dung dạy học, phương pháp dạy học và phương tiện đánh giá. Chính vì vậy, những yếu tố này không giúp quá trình kiểm tra–đánh giá thực hiện đầy đủ các chức năng của nó là vừa đánh giá vừa điều chỉnh quá trình dạy học. Chương trình bộ môn chủ trương thực hiện dạy học một cách toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ ; nhấn mạnh việc dạy học đồng thời cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhưng trong thực tế, phần lớn các bài kiểm tra chỉ tập trung vào kiểm tra sự tiếp nhận kiến thức, thậm chí chỉ dừng ở việc kiểm tra kiến thức ngữ pháp mà thôi. Giáo viên thực hiện các bài kiểm tra chủ yếu nhằm có đủ cơ số điểm để ghi sổ và tính điểm trung bình môn cho học sinh. Hơn

nữa, sĩ số một lớp thường quá đông, thường từ 45 đến 55 học sinh, là một nguyên nhân chính dẫn đến việc học sinh quay cóp, không đảm bảo tính khách quan trong các bài kiểm tra.

Chính vì những lí do đã nêu ở trên, cần đổi mới công tác kiểm tra–đánh giá, từ mục tiêu, nội dung, phương pháp đến các hình thức và kỹ thuật đánh giá cụ thể.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI KIỂM TRA–ĐÁNH GIÁ DẠY HỌC MÔN TIẾNG PHÁP Ở TRƯỜNG THCS**

Đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học THCS phải gắn liền với việc đổi mới đánh giá nói chung và với việc đổi mới kiểm tra kết quả học tập của học sinh THCS nói riêng. Định hướng đổi mới KTĐG phù hợp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn và điều chỉnh quá trình dạy học phù hợp hơn với học sinh THCS.

#### **3.1. Mục đích kiểm tra–đánh giá**

Mục đích kiểm tra–đánh giá là yếu tố quyết định trong việc định hướng đổi mới kiểm tra–đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Pháp trường THCS. Trên cơ sở phân tích những yêu cầu về mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học của chương trình, kết hợp với những đánh giá về thực trạng công tác kiểm tra–đánh giá môn học nêu trên, chúng ta có thể xác định mục đích kiểm tra–đánh giá phù hợp với những yêu cầu mới về kiến thức và kĩ năng của CT.

Việc kiểm tra–đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Pháp trường THCS nhằm mục đích chính là :

- 1) Kiểm tra kết quả học tập của học sinh trong quá trình học tập và sau từng giai đoạn học tập (ví dụ như kiểm tra giữa học kì, cuối học kì, kết thúc năm học ...) ...
- 2) Đánh giá chất lượng chương trình và bộ sách giáo khoa môn Tiếng Pháp trường THCS; trên cơ sở những kết quả đánh giá thu được, tiến hành những điều chỉnh cần thiết và kịp thời về nội dung và phương pháp dạy học.

Đây là chức năng kép của công tác kiểm tra–đánh giá, trong đó, cần chú trọng hơn nữa đến chức năng điều chỉnh, điều mà cho đến nay, chúng ta thường ít quan tâm tới.

#### **3.2. Định hướng đổi mới kiểm tra–đánh giá**

Nói chung, việc kiểm tra–đánh giá phải tuân theo những định hướng chung mà chương trình môn Tiếng Pháp cấp THCS đã đề ra là :

– Kết hợp đánh giá điều chỉnh với đánh giá tổng kết?phân loại. Đánh giá theo hai lĩnh vực : kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng giao tiếp (nghe–nói–đọc–viết).

– Kết hợp kiểm tra thường xuyên (kiểm tra miệng, kiểm tra dưới 1 tiết, kiểm tra 1 tiết) và kiểm tra định kì (kiểm tra học kỳ, thi tốt nghiệp) ; nội dung kiểm tra phải đúng yêu cầu của chương trình ở thời điểm kiểm tra ; chỉ sử dụng các loại hình bài kiểm tra quen thuộc đối với học sinh ; kết hợp các loại hình câu hỏi trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan (tests objectifs).

– Đảm bảo sự tương đồng giữa kiểm tra–đánh giá và quá trình dạy học bộ môn, nghĩa là phải có sự tương thích giữa kiểm tra–đánh giá với các yếu tố khác của quá trình dạy học như mục tiêu dạy học, nội dung dạy học và các phương pháp giảng dạy đã và đang được sử dụng, trong đó, việc trang bị và rèn luyện 4 kỹ năng giao tiếp nghe–nói–đọc–viết được coi là nhiệm vụ chủ yếu.

Ngoài ra, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải đảm bảo :

1) kiểm tra–đánh giá đầy đủ các kỹ năng và kiến thức qui định trong chương trình THCS ;

2) nội dung kiểm tra phải đúng mức độ, yêu cầu về kỹ năng và kiến thức, phải phù hợp với tâm – sinh lý của học sinh THCS nói chung và học sinh từng lớp nói riêng ;

#### **IV. NHỮNG YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐỐI MỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA–ĐÁNH GIÁ**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đánh giá kết quả học tập của học sinh, cần đảm bảo nguyên tắc : gắn liền đổi mới mục tiêu dạy học, nội dung dạy học và phương pháp dạy học với việc đổi mới kiểm tra–đánh giá nói chung và với đổi mới kiểm tra kết quả học tập của học sinh nói riêng. Dưới đây là một số yêu cầu và giải pháp cụ thể đổi mới kiểm tra–đánh giá môn Tiếng Pháp THCS.

##### **4.1. Các loại hình đánh giá**

Hai loại hình kiểm tra–đánh giá chủ yếu trong dạy học ở trường phổ thông là kiểm tra đánh giá điều chỉnh và kiểm tra–đánh giá kết quả tổng hợp.

Kiểm tra–đánh giá kết quả tổng hợp nhằm đánh giá chất lượng của chương trình bộ môn (CT THCS môn Tiếng Pháp), kiểm tra xem việc dạy học có phù hợp với mục tiêu của chương trình đã đề ra hay không, đồng thời xác nhận ở học sinh mức độ tiếp thu và sử dụng các nội dung học tập.

Kiểm tra–đánh giá điều chỉnh nhằm kiểm tra và đánh giá việc tiếp nhận kiến thức của học sinh ở từng thời điểm trong suốt quá trình học tập, giúp giáo viên nhận rõ những

ưu điểm và nhược điểm của quá trình dạy học đang được tiến hành để từ đó có được sự điều chỉnh cần thiết và kịp thời trong các hoạt động dạy và học sau này.

Từ trước đến nay, trong dạy học ngoại ngữ, chúng ta thường quan tâm nhiều đến kiểm tra–đánh giá kết quả tổng hợp, cho điểm, xếp loại học sinh, nhưng lại luôn bỏ qua kiểm tra–đánh giá định hình, một loại hình đánh giá quan trọng của quá trình dạy học.

Một trong những yêu cầu đầu tiên của đổi mới kiểm tra–đánh giá kết ở THCS chính là kết hợp thực hiện đồng bộ hai loại hình kiểm tra–đánh giá này nhằm nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn.

#### **4.2. Các lĩnh vực đánh giá**

Trong dạy học, các mức độ tư duy chủ yếu cần đánh giá là : Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng, Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá. Tuy nhiên, đối với học sinh THCS, do những đặc điểm riêng về sự phát triển trí tuệ cũng như tâm sinh lí lứa tuổi, chúng ta chỉ tập trung đánh giá các mức độ Nhận biết, Thông hiểu và Vận dụng.

##### *– Nhận biết*

Mức độ nhận biết thể hiện qua khả năng có thể nhớ hoặc nhận ra một sự vật, hiện tượng... dựa trên những thông tin có tính đặc thù của chúng

##### *– Thông hiểu*

Thông hiểu nghĩa là : i) có khả năng nắm được ý nghĩa tài liệu, thể hiện qua khả năng chuyển dịch tài liệu từ mức độ trừu tượng này sang mức độ trừu tượng khác, từ dạng này sang dạng khác, từ hình thức ngôn ngữ này sang hình thức ngôn ngữ khác, ii) có khả năng giải thích tài liệu, và iii) có khả năng ngoại suy.

##### **– Vận dụng**

Mức độ tư duy này thể hiện qua khả năng áp dụng các tài liệu đã học vào một tình huống mới để giải quyết một vấn đề cụ thể trong học tập (vận dụng ở mức độ thấp) hoặc thực tiễn (vận dụng ở mức độ cao).

#### **4.3. Các hình thức đánh giá**

Trong dạy học ở THCS, hai hình thức kiểm tra thường được sử dụng là kiểm tra nói và kiểm tra viết.

##### *– Hình thức nói*

Cần sử dụng thường xuyên hình thức kiểm tra nói trong suốt quá trình dạy và học. Hình thức kiểm tra này chẳng những yêu cầu học sinh phải ghi nhớ những kiến thức đã học mà còn phải biết vận dụng những kiến thức ấy vào việc hình thành và phát triển các

kỹ năng ngày càng được nâng cao trong quá trình học tập. Đặc biệt, đối với các môn ngoại ngữ nói chung và tiếng Pháp nói riêng, kiểm tra miệng còn là hình thức và thời điểm thích hợp nhất để kiểm tra kỹ năng diễn đạt nói của học sinh.

– *Hình thức viết*

Hình thức kiểm tra viết (kiểm tra 15 phút, kiểm tra 45 phút và kiểm tra học kỳ) được sử dụng sau khi kết thúc một cụm bài, một chủ đề hoặc cuối mỗi học kỳ. Hình thức kiểm tra này nhằm đánh giá trình độ nắm vững tri thức của học sinh, giúp học sinh rèn luyện năng lực trình bày một vấn đề bằng hình thức viết. Ngoài ra, hình thức kiểm tra này còn cung cấp các thông tin giúp điều chỉnh quá trình dạy học.

#### **4.4. Các thời điểm đánh giá**

Có hai thời điểm đánh giá quan trọng là đánh giá trong quá trình dạy học và đánh giá khi kết thúc một giai đoạn học tập.

– *Đánh giá trong quá trình dạy học*

Trong quá trình dạy học cấp THCS (từ lớp 6 đến lớp 9), giáo viên phải kết hợp đánh giá liên tục việc học tập của học sinh thông qua quan sát quá trình dạy học ở trên lớp cũng như qua các bài kiểm tra thường xuyên (kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút và kiểm tra 1 tiết) để theo dõi chặt chẽ tiến độ dạy học, tìm ra được những điểm còn yếu, nguyên nhân của chúng và đề xuất những giải pháp khắc phục.

– *Đánh giá kết thúc giai đoạn dạy học*

Các bài kiểm tra học kỳ, kiểm tra cuối năm học nhằm kiểm tra mức độ thể hiện kỹ năng giao tiếp và khả năng tiếp thu kiến thức mà chương trình đòi hỏi ở học sinh. Giáo viên sử dụng và kết quả các bài kiểm tra này để điều chỉnh nội dung và cách thức dạy học cho học kì hoặc năm học tiếp theo, đề xuất những giải pháp nhằm bổ sung và củng cố những kỹ năng và kiến thức mà học sinh còn thiếu hoặc chưa nắm vững.

#### **4.5. Các nội dung đánh giá**

Các nội dung đánh giá chủ yếu là :

- thực hành giao tiếp (các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, diễn đạt nói và diễn đạt viết), thông qua quá trình tiếp thu, thực hành và hoàn thiện năng lực ngôn ngữ;
- nâng cao trình độ văn hoá;
- bồi dưỡng phẩm chất đạo đức.

Nội dung kiểm tra cụ thể phải dựa vào chương trình bộ môn, chuẩn kiến thức và kỹ năng, sách giáo khoa của từng lớp và của toàn cấp THCS.

#### 4.6. Các tiêu chí biên soạn đề kiểm tra

Có nhiều tiêu chí khác nhau trong việc biên soạn đề kiểm tra. Đối với đề kiểm tra ở THCS, những tiêu chí quan trọng nhất là : i) Tính toàn diện, ii) Tính phân hoá, iii) Tính khách quan, iv) Tính giá trị và v) Độ tin cậy.

##### *i) Tính toàn diện*

Tính toàn diện là tiêu chí quan trọng đầu tiên trong biên soạn đề kiểm tra.

Một đề kiểm tra mang tính toàn diện phải : a) có đầy đủ các nội dung cần kiểm tra phù hợp với các mục tiêu dạy học của chương trình, b) đảm bảo thể hiện một cách cụ thể những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà học sinh phải đạt được cho đến thời điểm kiểm tra đó, nghĩa là nội dung kiểm tra phải thích hợp với thời điểm tiến hành kiểm tra.

Để đảm bảo tính toàn diện cho đề kiểm tra, trước khi biên soạn, cần thiết kế các tiêu chí kiểm tra bằng việc lập bảng (*matrice*) hai chiều, trong đó một chiều thể hiện các nội dung kiến thức (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn hoá-xã hội) và kỹ năng (nghe – nói – đọc – viết) cần kiểm tra, chiều kia thể hiện các mức độ nhận thức cần đạt (nhận biết, thông hiểu và vận dụng).

##### *ii) Tính phân hoá*

Đề kiểm tra mang tính phân hoá phải cho phép phân loại học sinh theo những yêu cầu cần đạt qua các nội dung kiểm tra, bao gồm việc nắm kiến thức, mức độ thành thạo các kỹ năng cơ bản. Đề kiểm tra cũng phải đảm bảo sự phù hợp giữa tính đặc thù của bộ môn với năng lực và tâm-sinh lý lứa tuổi của học sinh THCS.

##### *iii) Tính khách quan*

Tính khách quan trong kiểm tra ? đánh giá nói chung và trong kiểm tra ? đánh giá môn Tiếng Pháp ở cấp THCS nói riêng luôn được coi là một yêu cầu hàng đầu, được thể hiện thông qua việc lựa chọn loại hình câu hỏi (t? lu?n hay tr?c nghi?m khách quan) và cách thức xây dựng các câu hỏi trong các đề kiểm tra đó.

##### *iv) Tính giá trị*

Tính giá trị là một trong những tiêu chí quan trọng thể hiện hiệu quả của bài kiểm tra. Bài kiểm tra mang tính giá trị cao phải đánh giá được ở học sinh lĩnh vực cần đánh giá (ki?n th?c, ki nang, thoi d?), phải đo được cái cần đo (cò m?c d? nh?n bi?t, thụng hi?u, v?n d?ng), và phải thực hiện được đầy đủ các mục tiêu đặt ra cho bài kiểm tra.

##### *v) Độ tin cậy*

Độ tin cậy của đề kiểm tra sẽ cho chúng ta biết kết quả làm bài có phản ánh đúng trình độ của học sinh và có đúng với mục tiêu cần đánh giá hay không.

Chúng ta có thể tóm tắt các nội dung cần kiểm tra và các tiêu chí biên soạn đề kiểm tra trong ma trận dưới đây :

### MA TRẬN NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ BIÊN SOẠN BÀI KIỂM TRA

NỘI DUNG KIỂM TRA	CÁC CẤP ĐỘ TƯ DUY			
	Nhận biết Thông hiểu Vận dụng	mức độ thấp Vận dụng	mức độ cao	
1. Nghe hiểu				
2. Đọc hiểu				
3. Diễn đạt nói				
4. Diễn đạt viết				
5. Kiến thức ngôn ngữ				

#### 4.7. Quy trình xây dựng đề kiểm tra

Có 5 bước chính trong quy trình xây dựng đề kiểm tra là : i) Xác định mục đích, yêu cầu kiểm tra, ii) Xác định mục tiêu dạy học, iii) Thiết lập ma trận hai chiều, iv) Thiết kế câu hỏi theo ma trận, v) Xây dựng đáp án, biểu điểm và hướng dẫn chấm

##### *i) Xác định mục đích, yêu cầu kiểm tra*

Trước hết, cần xác định đây là phương tiện đánh giá kết quả học tập sau một bài học, một chủ đề hay một học kỳ.

Tiếp theo, nêu rõ các yêu cầu sau : a) thời lượng kiểm tra (15 phút hay 45 phút), b) hình thức kiểm tra (nói hay viết), c) các nội dung kiểm tra (các kĩ năng nghe?nói?đọc?viết hay kiến thức ngôn ngữ) để thiết kế ma trận theo đúng yêu cầu của đề kiểm tra.

##### *ii) Xác định mục tiêu dạy học*

Để có thể xác định chính xác các mục tiêu dạy học, cần liệt kê chi tiết các mục tiêu giảng dạy, thể hiện ở các hành vi hay năng lực cần phát triển (kiến thức, kỹ năng, thái độ). Có nhiều cấp độ mục tiêu dạy học khác nhau : mục tiêu ngắn hạn (cho một tiết học, một

bài học hay một chủ đề ...), mục tiêu trung hạn (cho một học kì hay một năm học ...) hoặc mục tiêu dài hạn (cho một chương trình, một cấp học như THCS hay THPT ...).

Xác định đúng mục tiêu dạy học sẽ giúp chúng ta lựa chọn nội dung kiểm tra phù hợp.

*iii) Thiết lập ma trận hai chiều*

Sau khi đã xác định được mục đích, yêu cầu kiểm tra và mục tiêu dạy học, chúng ta cần thiết lập ma trận hai chiều cho đề kiểm tra. Việc thiết lập ma trận này sẽ giúp chúng ta dễ dàng hơn trong việc biên soạn đề kiểm tra, đảm bảo kiểm tra đúng và đầy đủ các nội dung cần kiểm tra và đánh giá đúng các mức độ tư duy cần đánh giá.

Để thiết lập ma trận hai chiều, cần lập một bảng 2 chiều, một chiều ghi các nội dung kiểm tra (các kĩ năng giao tiếp : nghe–nói–đọc–viết và/hoặc kiến thức ngôn ngữ : ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), một chiều ghi các mức độ cần đánh giá (Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng) với số lượng câu hỏi cụ thể và trọng số điểm của từng câu từng câu theo các nội dung kiểm tra.

Ví dụ :

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA VIẾT 45 PHÚT**

Nội dung đánh giá	Các cấp độ tư duy								Tổng cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng mức độ thấp		Vận dụng mức độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1. Đọc hiểu					4 câu 2 điểm			2 câu 2 điểm	4 điểm
2. KTNN									
a. Từ vựng			1 câu 2 điểm						2 điểm
b. Ngữ pháp			1 câu 2 điểm						2 điểm
3. Diễn đạt viết								1 câu 2 điểm	2 điểm
Tổng số câu hỏi			2 câu		4 câu			3 câu	9 câu



Tổng số điểm		4 điểm		2 điểm		4 điểm	10 điểm
Tỷ lệ		40%		20%		40%	100%

*iv) Thiết kế câu hỏi theo ma trận*

Các câu hỏi sẽ được thiết kế theo mục tiêu dạy học, nghĩa là theo các mức độ yêu cầu về kĩ năng và kiến thức đã được xác định.

Số lượng câu hỏi tùy thuộc vào thời lượng và nội dung để kiểm tra.

Trọng số điểm của câu hỏi thể hiện mức độ khó hay dễ của câu hỏi đó.

*v) Xây dựng đáp án, biểu điểm và hướng dẫn chấm*

Khi xây dựng đáp án, biểu điểm và hướng dẫn chấm, cần bảo đảm những yêu cầu sau : Đáp án cần rõ ràng và đơn trị. Hướng dẫn chấm cụ thể, chi tiết. Cho điểm theo thang điểm 10. Đối với một số kỳ thi đặc biệt, có thể cho điểm theo thang điểm cao hơn để tăng độ chính xác.

Với một câu hỏi cụ thể, nên cho điểm chẵn. Nếu cho điểm lẻ thì chỉ nên cho lẻ tới 0,25 hoặc 0,1 để có thể dễ dàng qui về thang điểm 10.

#### **4.8. Các loại hình câu hỏi**

Có hai loại hình câu hỏi chủ yếu là trắc nghiệm tự luận (TNTL) và trắc nghiệm khách quan (TNKQ).

##### **4.8.1. Trắc nghiệm tự luận**

Trắc nghiệm tự luận là dạng câu hỏi mở. Với loại hình câu hỏi này, học sinh có thể đưa ra nhiều phương án trả lời khác nhau.

Đây là dạng câu hỏi chúng ta vẫn thường sử dụng từ trước tới nay trong dạy học. Loại hình câu hỏi này có nhiều ưu điểm và nhưng cũng có hạn chế những hạn chế của nó.

+ Ưu điểm :

– Biên soạn ít khó khăn, không tốn nhiều thời gian,

– Có thể đánh giá khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ, quá trình tư duy và khả năng sáng tạo của học sinh trong quá trình tìm kiếm câu trả lời, góp phần rèn luyện cho học sinh các khả năng ấy.

+ Hạn chế :

– Chỉ kiểm tra được một lượng kiến thức hạn chế,

– Không sử dụng được máy để chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra; chấm bài mất nhiều thời gian, tính chính xác và khách quan không cao.

– Do lớp học đông nên học sinh dễ quay cóp, trao đổi câu trả lời.

#### **4.8.2. Trắc nghiệm khách quan**

Loại hình câu hỏi này có các dạng chủ yếu là : câu hỏi nhiều lựa chọn (QCM), câu Đúng / sai / ? (*Vrai / Faux / On ne sait pas.*), câu ghép đôi (*test d'appariement*), câu điền khuyết (*test à trous*). Khi thực hiện những bài tập này, học sinh chỉ có thể lựa chọn một hay một số phương án trả lời cho trước.

Cũng như TNTL, loại hình câu hỏi này cũng có những ưu điểm và hạn chế của nó.

+ Ưu điểm :

– Có thể tiến hành kiểm tra cả kiến thức và kĩ năng trên diện rộng trong khoảng thời gian ngắn, tránh học tủ, dạy tủ;

– Chấm bài nhanh, chính xác và khách quan, phổ điểm rộng nên có độ phân biệt cao ;

– Có thể sử dụng máy khi chấm bài và phân tích kết quả kiểm tra.

+ Hạn chế :

– Biên soạn khó, mất nhiều thời gian,

– Khó đánh giá khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ và quá trình tư duy của học sinh.

#### **4.9. Cách thức biên soạn để kiểm tra**

Hiện nay, xu thế chung là kết hợp trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan khi biên soạn để kiểm tra. Đa số giáo viên đã quen thuộc với việc sử dụng trắc nghiệm tự luận khi ra đề kiểm tra ; trong khi đó, các bài trắc nghiệm khách quan nhiều khi vẫn còn gây lúng túng, thậm chí gây khó khăn cho một số giáo viên trong khi biên soạn. Tùy theo yêu cầu và nội dung kiểm tra, có thể sử dụng một trong các loại hình trắc nghiệm kể trên hoặc kết hợp cả hai loại hình trắc nghiệm này.

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu một vài loại hình câu hỏi trắc nghiệm khách quan và một số ví dụ minh họa để giáo viên tham khảo.

##### **4.9.1. Biên soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan**

– Trắc nghiệm đúng / sai

Loại hình trắc nghiệm này đơn giản, dễ sử dụng, tuy nhiên tính ngẫu nhiên trong các câu trả lời rất lớn. Người ta thường sử dụng loại hình câu hỏi này để kiểm tra kỹ năng đọc

hiểu. Để tăng độ khó hoặc giảm bớt sự may rủi trong các câu trả lời, nên sử dụng loại hình vrai / faux / ? (*On ne sait pas.*)

Ví dụ minh họa :

**VRAI ou FAUX ou On ne sait pas**

	VRAI	FAUX	On ne sait pas
1. Gustave Eiffel fait ses études secondaires à Paris.			
2. Gustave Eiffel travaille longtemps au Vietnam.			
3. Depuis 1934, la tour Eiffel sert d'antenne aux émissions de radio et de télévision.			

*– Trắc nghiệm điền khuyết*

Trong bài tập trắc nghiệm này, học sinh phải điền vào chỗ trống những từ hoặc ngữ cần thiết theo từng yêu cầu cụ thể. Có ba mức độ khó tăng dần như sau : i) cho trước các từ ngữ phải điền tương ứng với các chỗ trống, ii) cho trước các từ ngữ phải điền số lượng nhiều hơn các chỗ trống (phải lựa chọn), iii) không cho trước các từ ngữ phải điền. Loại hình trắc nghiệm này có thể sử dụng trong nhiều trường hợp để kiểm tra cả kiến thức và các kỹ năng. Khi biên soạn, lưu ý tránh những trường hợp cùng một chỗ trống có thể điền bằng nhiều từ khác nhau.

Ví dụ minh họa :

**Complétez les phrases suivantes avec il y a, pendant ou depuis.**

1. Paul est là ..... hier.
2. Sophie est sortie ..... 2 heures.
3. Hier, nous avons parlé de ce match ..... une demi heure.

*– Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi*

Cho trước hai hoặc ba cặp (trình bày theo cột), học sinh phải kết hợp các yếu tố tách rời ở các cột để tạo thành câu hoặc để thiết lập thông tin theo yêu cầu của đề bài, bằng cách sử dụng mũi tên nối các yếu tố thích hợp ở các cột với nhau hoặc điền vào ô trống cho trước. Loại hình này chủ yếu dùng để kiểm tra khả năng nhận biết thông tin từ các yếu tố cho trước.

Ví dụ minh họa :

**Associez les mots aux définitions**

- |               |                                   |
|---------------|-----------------------------------|
| a. une BD     | 1. informe des nouvelles.         |
| b. un roman   | 2. raconte avec des dessins.      |
| c. un journal | 3. raconte avec beaucoup de mots. |

– Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu hỏi trắc nghiệm loại này bao gồm hai phần : phần đầu là phần dẫn (hay câu dẫn) được dùng để nêu vấn đề hay nêu yêu cầu của bài tập. Phần thứ hai là phần thông tin, trong đó nêu các phương án trả lời (khoảng từ 3 ? 4 phương án), nhưng thường chỉ có một phương án đúng, các phương án sai hoặc có vẻ đúng khác gọi là các phương án nhiễu.

Ví dụ minh họa :

**Cochez la bonne case.**

1. Albert Einstein est né en

- A. 1879.
- B. 1878.
- C. 1877.
- A. 1876.

2. Quelle est sa célèbre formule ?

- A.  $E = cm^2$ .
- B.  $E = mc^2$ .
- C.  $E = m^2c$ .
- D.  $E = c^2m$ .

**4.9.2. Một số ví dụ minh họa thiết kế các loại đề kiểm tra**

Những ví dụ dưới đây minh họa cách thức ra đề kiểm tra cho các lĩnh vực nội dung thuộc **Leçon 1 – Tiếng Pháp 9**.

**THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA NÓI**

Khi thiết kế đề kiểm tra nói, cần bám sát nội dung chủ đề bài học và nêu những gợi ý cụ thể về tình huống và kiến thức ngôn ngữ (nếu cần).

Ví dụ minh họa :

*“Comment fais-tu ta fiche d’orientation scolaire ?”*

Một số gợi ý :

*Pourquoi dois-tu faire une fiche d’orientation scolaire ?*

*Quand peux-tu commencer à le faire ?*

*Comment peux-tu t’informer ?*

## **THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA NGHE HIỂU**

Có thể sử dụng một số dạng bài tập như nghe ? điền chỗ trống; nghe ? trả lời câu hỏi, nghe ? điền thông tin vào bảng ...

+ Nghe điền chỗ trống

Giáo viên chuẩn bị một tài liệu nghe hiểu (một đoạn văn, một đoạn hội thoại hoặc một dạng tài liệu khác theo qui định của chương trình) có những chỗ trống. Cho học sinh nghe số lần cần thiết rồi yêu cầu điền những từ hoặc câu còn thiếu vào chỗ trống.

Ví dụ minh họa :

### **Écoute et complète :**

\* *Phần dành cho giáo viên*

Le passage en classe de sixième est un moment important : de l’ainé à l’école primaire, l’élève devient le petit dernier dans un collège, sa nouvelle école. Il découvre l’emploi du temps, des classes et des professeurs différents par matière. Le rythme de travail est plus tendu, et son collège, souvent plus éloigné du domicile que l’école primaire. L’élève doit aussi travailler régulièrement dans toutes les matières.

\* *Phần dành cho học sinh*

Le passage en classe de sixième est un (1) ..... important : de l’ainé à l’école (2) ..... , l’élève (3) ..... le petit dernier dans un (4) ..... , sa nouvelle école. Il découvre (5) ..... , des classes et des professeurs (6) ..... par matière. Le (7) ..... est plus tendu, et son collège, souvent plus (8) ..... du domicile que l’école primaire. L’élève doit aussi (9) ..... régulièrement dans toutes les (10) .....

+ Nghe trả lời câu hỏi .

Giáo viên chuẩn bị một tài liệu nghe hiểu (một đoạn văn, một đoạn hội thoại hoặc một dạng tài liệu khác theo qui định của chương trình) kèm theo một số câu hỏi. Có thể

sử dụng một trong hai dạng câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp cả hai dạng câu hỏi này. Với câu hỏi trắc nghiệm khách quan, có thể sử dụng dạng đúng ? sai ? ? (VRAI ? FAUX ? *On ne sait pas*) hoặc dạng nhiều lựa chọn (QCM)

Ví dụ minh họa :

Chúng ta có thể sử dụng lại đoạn văn trên để thiết kế một bài kiểm tra nghe hiểu khác như ví dụ dưới đây.

\* *Phần dành cho giáo viên*

### Écoute ce texte :

Le passage en classe de sixième est un moment important : de l'aîné à l'école primaire, l'élève devient le petit dernier dans un collège, sa nouvelle école. Il découvre l'emploi du temps, des classes et des professeurs différents par matière. Le rythme de travail est plus tendu, et son collège, souvent plus éloigné du domicile que l'école primaire. L'élève doit aussi travailler régulièrement dans toutes les matières.

\* *Phần dành cho học sinh*

### Coche la bonne case.

1. Au début de la classe de sixième, un moment important pour l'élève, c'est

- a)  devenir l'aîné dans sa nouvelle école.
- b)  devenir le petit dernier dans sa nouvelle école.
- c)  devenir un grand garçon.
- d)  devenir un collégien.

2. En sixième, l'élève travaille avec un seul professeur.

VRAI       FAUX       On ne sait pas.

3. L'élève habite souvent près de son école.

VRAI ;       FAUX ;       On ne sait pas.

**Đáp án :** 1. b) ; 2. FAUX ; 3. FAUX

### THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA ĐỌC HIỂU

Để thiết kế đề kiểm tra đọc hiểu, giáo viên cần làm theo qui trình sau đây :

+ Chọn một tài liệu đọc hiểu (một đoạn văn, một đoạn hội thoại hoặc một dạng văn bản khác theo qui định của chương trình).

Chủ đề, độ dài, độ khó của tài liệu đọc hiểu phải phù hợp với những yêu cầu mà chương trình đã đề ra.

+ Soạn các câu hỏi đọc hiểu.

Có thể sử dụng một trong hai dạng câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp cả hai dạng câu hỏi này.

Ví dụ minh họa :

### **Lis et répondez aux questions.**

Le passage en classe de sixième est un moment important : de l'ainé à l'école primaire, l'élève devient le petit dernier dans un collège, sa nouvelle école. Il découvre l'emploi du temps, des classes et des professeurs différents par matière. Le rythme de travail est plus tendu, et son collège, souvent plus éloigné du domicile que l'école primaire. L'élève doit aussi travailler régulièrement dans toutes les matières.

Il est important de bien l'aider à ce moment là : l'expérience montre qu'une bonne adaptation\* en sixième est le meilleur passeport pour une bonne fin de collège.

\* *adaptation* : sự thích nghi, thích ứng

1. Répondez aux questions suivantes en écrivant ta réponse :

*(Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách viết câu trả lời.)*

a) Au début de la classe de sixième, quel est le moment important pour l'élève?

.....

b) Comment est son rythme de travail?

.....

2. Répondez aux questions suivantes en entourant la lettre qui convient à la bonne solution :

*(Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách khoanh tròn chữ in hoa tương ứng với câu trả lời đúng.)*

a) En sixième, l'élève travaille avec un seul professeur.

VRAI       FAUX       on ne sait pas.

b) L'élève met souvent plus de temps pour travailler à l'école.

VRAI       FAUX       On ne sait pas

## Đáp án :

1. a) De l'ainé à l'école primaire, l'élève devient le petit dernier dans un collège, sa nouvelle école : c'est un moment important pour l'élève au début de la classe de sixième.

b) Son rythme de travail est plus tendu.

2. a) FAUX                      b) VRAI

## THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA DIỄN ĐẠT VIẾT

Có thể sử dụng lại đề kiểm tra nói với những gợi ý đã nêu trên để thiết kế đề kiểm tra kỹ năng viết.

Ví dụ minh họa :

**“Écris à un ami pour lui expliquer comment tu peux faire ta fiche d'orientation scolaire.”**

Suggestions :

*Pourquoi dois-tu faire une fiche d'orientation scolaire ?*

*Quand peux-tu commencer à le faire ?*

*Comment peux-tu t'informer ?*

Ngoài ra, các nội dung đọc hiểu, nghe hiểu và kiến thức ngôn ngữ khác cũng có thể sử dụng làm cơ sở để thiết kế đề kiểm tra kỹ năng viết.

## THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA TỪ VỰNG

Có thể sử dụng nhiều dạng bài tập khác nhau để kiểm tra từ vựng như : nối từ với các định nghĩa, điền ô trống, tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ cùng họ ...

Chẳng hạn, muốn sử dụng dạng bài tập điền chỗ trống, giáo viên có thể làm theo quy trình sau :

+ chọn một đoạn văn (hoặc một đoạn hội thoại) theo chủ điểm của bài.

+ chọn các từ cần kiểm tra rồi thay thế các từ đó bằng các ô trống.

+ Chọn yêu cầu của bài tập (consigne) phù hợp (Hãy điền từ thích hợp vào ô trống).

Lưu ý : Có thể cho trước những từ cần điền (số lượng từ và số ô trống bằng nhau) để giảm độ khó của dạng bài tập này.

Ví dụ minh họa :

**Complète ce texte avec les mots suivants.**



*éloigné – collègue – moment – l’emploi du temps – travailler – matières – rythme de travail – devient – primaire – différents*

Le passage en classe de sixième est un (1) ..... important : de l’ainé à l’école (2) ..... , l’élève (3) ..... le petit dernier dans un (4) ..... , sa nouvelle école. Il découvre (5) ..... , des classes et des professeurs (6) ..... par matière. Le (7) ..... est plus tendu, et son collègue, souvent plus (8) ..... du domicile que l’école primaire. L’élève doit aussi (9) ..... régulièrement dans toutes les (10) .....

### **THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA NGŨ PHÁP**

Khi ra đề kiểm tra ngữ pháp, có thể làm theo quy trình sau :

Xác định vấn đề ngữ pháp cần kiểm tra.

Chọn dạng bài tập phù hợp.

Ví dụ :

Những vấn đề ngữ pháp của **Leçon 1 – Tiếng Pháp 9** có thể kiểm tra là : *la forme passive et la mise en relief du sujet et du complément.*

Có thể sử dụng các dạng bài tập chuyển đổi (*exercices de transformation*) như : transforme selon le modèle, réécris les phrases à la forme passive (ou à la forme active); réponds en mettant en relief le sujet ou le complément ...

Ví dụ minh họa :

***Mets en relief le sujet ou le complément avec c’est ... qui, c’est ... que***

1. *L’expérience* montre qu’une bonne adaptation\* en sixième est le meilleur passeport pour une bonne fin de collège.

2. L’élève doit travailler régulièrement *dans toutes les matières.*

### **THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

Có thể sử dụng kết hợp các dạng bài kiểm tra nghe hiểu, kiểm tra đọc hiểu, kiểm tra diễn đạt viết và kiểm tra kiến thức ngôn ngữ đã nêu trên để thiết kế bài kiểm tra định kỳ (kiểm tra 1 tiết và kiểm tra học kỳ).

Đề kiểm tra viết định kỳ gồm những phần sau đây :

I. Đọc hiểu

II. Kiến thức ngôn ngữ

1. Từ vựng

## 2. Ngũ pháp

### III. Diễn đạt viết

Ví dụ minh họa :

#### I. ĐỌC HIỂU ( 4 điểm)

**Lis et répons aux questions.**

### VISAGE DE L'AVENTURE

#### *Une exploratrice française*

Né en 1868, près de Paris, Alexandra David–Neel est une des premières femmes libérées. À l'âge de quinze ans, elle quitte la maison familiale et part seule pour l'Angleterre. Puis, elle visite l'Europe et l'Afrique du Nord. Mais la vraie aventure d'Alexandra commence en 1911. Elle quitte son mari et part à la découverte de l'Asie. Pendant quatorze ans, elle découvre l'Inde. C'est la première Européenne à entrer au Tibet. Elle rencontre le dalai–lama, passe deux ans seule dans les montagnes à 4000m et vit des aventures extraordinaires.

Elle rentre en France en 1925. Depuis son départ, tout a changé. Les femmes ont les cheveux courts. Elles montrent leurs bras et leurs jambes. Elles fument ! On fait du sport. On va au cinéma. Alexandra découvre alors une autre France .

#### 1. Coche la bonne case

a. La vraie aventure d'Alexandra commence en

1868.                       1911.                       1925.

b. Alexandra découvre l'Inde pendant

treize ans.                       quatorze ans.                       quinze ans.

c. Alexandra est la première Européenne à

découvrir l'Angleterre.

entrer au Tibet.

découvrir l'Europe.

2. Quels sont les grands changements en France après son départ ?

.....

3. Qu'est–ce qu'elle fait dans la vie ?

.....

## II. KIẾN THỨC NGÔN NGỮ (4 điểm)

### 1. Complète ce texte avec les mots suivants :

*éloigné – collègue – moment – l'emploi du temps – travailler – matières – rythme de travail – devient – primaire – différents*

Le passage en classe de sixième est un (1) ..... important : de l'ainé à l'école (2) ..... , l'élève (3) ..... le petit dernier dans un (4) ..... , sa nouvelle école. Il découvre (5) ..... , des classes et des professeurs (6) ..... par matière. Le (7) ..... est plus tendu, et son collègue, souvent plus (8) ..... du domicile que l'école primaire. L'élève doit aussi (9) ..... régulièrement dans toutes les (10) .....

### 2. Coche la bonne case

- |  |                          |                         |
|--|--------------------------|-------------------------|
| 1. Que                                 | <input type="checkbox"/> |                         |
| Qu'est-ce qui                          | <input type="checkbox"/> | ne va pas aujourd'hui ? |
| Qu'est-ce que                          | <input type="checkbox"/> |                         |
| 2. qui                                 | <input type="checkbox"/> |                         |
| J'ai rencontré les étudiants           | <input type="checkbox"/> | Julie a parlé.          |
| dont                                   | <input type="checkbox"/> |                         |
| 3. il y a                              | <input type="checkbox"/> |                         |
| Il a quitté la France depuis           | <input type="checkbox"/> | six mois                |
| pendant                                | <input type="checkbox"/> |                         |
| 4. Est-ce que vous aimez les enfants ? |                          |                         |
| l'                                     | <input type="checkbox"/> |                         |
| – Oui, je t'                           | <input type="checkbox"/> | aime.                   |
| les                                    | <input type="checkbox"/> |                         |
| 5. Est-ce qu'elle achète de la viande? |                          |                         |
| en                                     | <input type="checkbox"/> |                         |
| – Oui, elle la                         | <input type="checkbox"/> | achète.                 |
| l'                                     | <input type="checkbox"/> |                         |
| 6. Comment est-ce que vous allaient    | <input type="checkbox"/> |                         |
| allais                                 | <input type="checkbox"/> | au travail ?            |
| allez                                  | <input type="checkbox"/> |                         |

### III. DIỄN ĐẠT VIẾT (2 điểm)

*Présente ta famille (4–5 lignes)*

.....

.....

.....

#### 4.10. Cấu trúc đề kiểm tra

##### 4.10.1. Kiểm tra nói

Đề kiểm tra nói được thiết kế theo những yêu cầu sau đây :

- Về nội dung : nói về một chủ đề đ• được qui định trong chương trình;
- Về kiến thức ngôn ngữ : sử dụng được các từ, ngữ, cấu trúc và mẫu câu đ• học;
- Về ngữ âm : phát âm, ngữ điệu phải đạt được những yêu cầu đ• qui định trong chương trình.

Yêu cầu : nói theo mẫu hoặc có gợi ý về chủ đề và kiến thức ngôn ngữ.

##### 4.10.2. Kiểm tra dưới 1 ti?t

Thời lượng kiểm tra thường là 15 phút hoặc 20 phút.

Mỗi bài kiểm tra chỉ nên có 01 bài tập kiểm tra kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và/ hoặc ngữ pháp) hoặc 01 bài tập kiểm tra kỹ năng giao tiếp (nghe hiểu, hoặc đọc hiểu, hoặc diễn đạt viết ngắn). Tùy theo yêu cầu của bài kiểm tra, có thể sử dụng theo một tỷ lệ thích hợp các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan. Riêng bài tập diễn đạt viết, nên sử dụng câu hỏi tự luận. Yêu cầu học sinh viết một đoạn văn theo một chủ đề cho trước có gợi ý. Các đề kiểm tra miệng và kiểm tra viết 15 phút có thể thực hiện như các bài mẫu trong phần hướng dẫn thiết kế đề kiểm tra.

##### 4.10.3. Kiểm tra định kỳ

Đây là những bài kiểm tra quan trọng nhất, giúp kiểm tra một cách toàn diện kết quả học tập của học sinh sau một giai đoạn học tập.

Thời lượng kiểm tra là 45 phút.

Về nguyên tắc, có thể kiểm tra tất cả các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ đ• học trong giai đoạn đó. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện cụ thể, để kiểm tra định kì chỉ kiểm tra kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và/hoặc ngữ pháp) và 2 kỹ năng đọc và viết, còn các kỹ năng nghe và nói sẽ được thực hiện qua các bài kiểm tra miệng và kiểm tra 15 phút.

Cấu trúc và yêu cầu của bài kiểm tra định kỳ

- Thời lượng kiểm tra : 45 phút
- Hình thức kiểm tra : kiểm tra viết.
- Nội dung kiểm tra : đọc hiểu, diễn đạt viết, kiến thức ngôn ngữ.
- Cấu trúc và yêu cầu của bài kiểm tra :

**I. Đọc hiểu : (4 điểm)**

Yêu cầu :

- Độ dài bài đọc hiểu (theo yêu cầu của từng lớp), đánh máy cỡ chữ phù hợp.
- Phần câu hỏi : + 2 hoặc 3 điểm trắc nghiệm khách quan  
+ 1 hoặc 2 điểm tự luận

**II. Kiến thức ngôn ngữ : (4 điểm)**

1. Từ vựng : (1 hoặc 2 điểm)
2. Ngữ pháp : (2 hoặc 3 điểm)

Yêu cầu : chủ yếu sử dụng các bài tập trắc nghiệm khách quan

**III. Diễn đạt viết : (2 điểm)**

Yêu cầu : viết theo chủ đề cho trước, có gợi ý.

Như vậy, cơ cấu điểm của bài kiểm tra định kỳ sẽ là 4–4–2 (Đọc hiểu : 4 điểm, Kiến thức ngôn ngữ : 4 điểm, Diễn đạt viết : 2 điểm)